

Bản án số: 729/2019/HC-PT

Ngày: 19-8-2019

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Phụng.

Các Thẩm phán:

1. Bà Đỗ Thanh Hương

2. Ông Nguyễn Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
29/2019/TLPT-HC ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính”.

Do Bản án hành chính số 2407/2017/HC-ST ngày 23 tháng 10 năm 2017 của
Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2837/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 6
năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 5554/2019/QĐ-PT ngày 22/7/2019 và
Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 6190/2019/QĐPT-HC ngày 12/8/2019 giữa các
đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Bùi Thị Thu H**, sinh năm 1977.

Cư trú: 117/144 đường N, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị S, sinh năm 1959 (có mặt).

Cư trú: 4A đường G, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Ngô Đức T, sinh năm 1968
(có mặt).

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Ngô Đức T, 46 (trệt) đường N, Phường N, Quận
M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận B.

Địa chỉ: Số 06 đường P, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (có đơn xin vắng mặt).

(Văn bản ủy quyền số 22/GUQ-UBND ngày 20/3/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phan Ngọc Anh H, sinh năm 1975 - Trưởng Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng quận B (có đơn xin vắng mặt).

- Ông Phạm Ngọc P, sinh năm 1960 - Chuyên viên Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng quận B (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 06 đường P, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị Thu H - người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại Đơn khởi kiện ngày 13/5/2014 và quá trình tố tụng người khởi kiện có người đại diện theo ủy quyền là Bà Đào Thị S trình bày:

Bà Bùi Thị Thu H bị Ủy ban nhân dân quận B thu hồi diện tích đất là 81,5m² để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường sắt Bến Thành - Suối Tiên. Khu đất của bà H thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 29 (đất cũ thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 1) Phường H, quận B, đất có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Đ, ông Đ chuyển nhượng cho bà Lê Thị L vào ngày 10/10/1991 bằng giấy tay. Bà Lê Thị L bán lại cho bà Bùi Thị Thu H vào ngày 15/11/1991 bằng giấy tay, năm 1999 bà Bùi Thị Thu H có kê khai nhà đất và sử dụng cho đến nay.

Bà H bị thu hồi đất nhưng không được Ủy ban nhân dân quận B lập thủ tục thu hồi đất và ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ theo trình tự pháp luật, không được bồi thường về đất theo quy định pháp luật.

Sau khi bà Bùi Thị Thu H có đơn gửi Ủy ban nhân dân quận B đề nghị được bồi thường và được Ủy ban nhân dân quận B trả lời bằng Công văn số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014, nội dung trả lời rằng vị trí khu đất của bà H đề nghị được bồi thường là rạch, đất công do Nhà nước quản lý, bà H đã san lấp, đã bị xử phạt hành chính, nên không có cơ sở giải quyết bồi thường.

Nhận thấy, phần đất của bà H không phải là đất lấn rạch, hiện tại khu đất của bà H cách rạch hiện hữu trên 200m. Bà H khởi kiện Ủy ban nhân dân quận B, yêu cầu hủy Công văn số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014, yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B thực hiện thủ tục thu hồi đất và ban hành quyết định bồi thường đối với phần đất bị thu hồi tại thửa đất số 14, tờ bản đồ 29 (thửa cũ thuộc thửa đất 94, tờ bản đồ số 1) Phường H, quận B theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân quận B có người đại diện trình bày:

- Về căn cứ pháp lý để thực hiện bồi thường:

Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 05/02/2008 của UBND Thành phố về thu hồi đất để thực hiện dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên tại các phường 19, 21, 22 và 25 quận B.

Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 15/4/2009 về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng dự án trên.

- Về nguồn gốc pháp lý khu đất của bà H:

Thửa 94 có diện tích 64.840 m², loại đất: rau tập trung (trong sổ bộ đã gạch bỏ thửa đất này).

Đối chiếu bản đồ địa hình chụp năm 1982, điều ảnh năm 1988 thì phần lớn thửa 94 là rạch và rau trên rạch.

Đối chiếu Tài liệu 299/TTg trên nền bản đồ địa chính Phường 22 lập năm 2002 thì phần lớn thửa 94 là rạch. Phần diện tích đất của bà H yêu cầu bồi thường thuộc thửa 14, tờ số 29, bộ bản đồ địa chính Phường 22. Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 1, Phường 22 theo Tài liệu 299/TTg là rạch Văn Thánh, đất công do Nhà nước quản lý (theo Công văn số 6796/UBND-ĐTMT ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

Qua thực tiễn quản lý thì khu đất này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được cấp phép xây dựng. Bà L đã bị xử phạt hành chính vào năm 2002 do có hành vi san lấp rạch (Quyết định số 1373/QĐ-UB ngày 07/5/2002), bà L không chấp hành quyết định xử phạt nên đã bị cưỡng chế theo Quyết định số 3728/QĐ-UB ngày 03/9/2009.

Như vậy, bà H không được giao quyền sử dụng đất, không được công nhận quyền sử dụng đất, không sử dụng đất từ thời điểm thực hiện dự án, theo khoản 1, 3, 5 Điều 4 Luật Đất đai, nên không thuộc đối tượng bị thu hồi đất. Do đó, khi thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân quận B không lập thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho bà H là có cơ sở theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó Ủy ban nhân dân quận B trả lời cho bà H bằng Công văn số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 không chấp thuận bồi thường cho bà H là đúng. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2407/2017/HC-ST ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc không chấp thuận đề nghị được bồi thường của bà Bùi Thị Thu H.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/10/2017, đại diện người khởi kiện bà Đào Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng bản án sơ thẩm không xem xét chứng cứ hợp pháp của người khởi kiện đã cung cấp, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ những chứng cứ không phù hợp quy định pháp luật do người bị kiện cung cấp và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không khách quan và đã có sai sót nghiêm trọng, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc Ủy ban nhân dân quận B hủy Công văn số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 và phải tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, lập thủ tục bồi thường cho phần đất bị thu hồi tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29, Phường H, Quận B cho bà Bùi Thị Thu H theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Bùi Thị Thu H có bà Đào Thị Sen là người đại diện hợp pháp trình bày vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 2407/2017/HC-ST ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, hủy bỏ Văn bản số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 của Ủy ban nhân dân quận B, buộc Ủy ban nhân dân quận B có trách nhiệm lập hồ sơ bồi thường cho bà H đối với phần đất tại thửa số 14, tờ bản đồ số 29, diện tích 81,5 m² tọa lạc tại Phường H, quận B theo quy định của pháp luật, với lý do:

- Phần đất bị thu hồi có Giấy sang nhượng đất ở ngày 15/11/1991 là giấy tờ hợp lệ (theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và điểm h Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP).

- Bà H có đăng ký kê khai nhà đất năm 1999 được Ủy ban nhân dân Phường H, quận B xác nhận ngày 06/01/2000 (theo quy định tại điểm k Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP).

- Có Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất được Ủy ban nhân dân Phường H, quận B xác nhận ngày 20/4/2002.

- Đất tọa lạc tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29 (thửa đất cũ thuộc một phần thửa đất số 94, tờ bản đồ số 1) Phường H, quận B là đất có sổ thửa, không phải là rạch.

- Bản đồ vị trí chập ranh sử dụng đất ngày 05/9/2017 không có giá trị pháp lý, vì không được ban hành kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

- Văn bản số 6769/UBTP ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Phạm Ngọc Anh H vắng mặt; ông Phạm Ngọc P có mặt trình bày như sau: Phần đất tại thửa số 14, tờ bản đồ số 29, diện tích 81,5m², tọa lạc tại Phường 22, quận B có nguồn gốc là đất rạch. Theo quy định của pháp luật thì đất

rạch do Ủy ban nhân dân địa phương quản lý, do đó vào năm 2002 khi bà L có hành vi san lấp rạch đối với thửa số 14 tờ bản đồ số 29, Phòng Quản lý Đô thị quận B đã lập biên bản vi phạm hành chính và sau đó Ủy ban nhân dân quận B đã ra quyết định xử phạt bà L. Từ 2002, bà L không còn sử dụng phần đất này vì phần đất này do Ủy ban nhân dân phường quản lý theo chế độ quản lý đất rạch. Do đó, việc Ủy ban nhân dân quận B không lập hồ sơ bồi thường cho bà H đối với phần đất tại thửa số 14, tờ bản đồ số 29, diện tích 81,5m² tọa lạc tại Phường H, quận B là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

* Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

* Về yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Thu H:

Tính hợp pháp của kháng cáo: Bản án hành chính sơ thẩm số 2407/2017/HC-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân quận B. Ngày 26/10/2017, Tòa án nhân dân quận B nhận đơn kháng cáo của bà H. Ngày 15/01/2019, bà H nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là phù hợp với quy định của Điều 204, Khoản 1 Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung kháng cáo: Bà Bùi Thị Thu H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 2407/2017/HC-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân quận B, nhận thấy:

Về thẩm quyền ban hành: Văn bản số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B là văn bản giải quyết đơn đề nghị được bồi thường của bà Bùi Thị Thu H tại dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên, quận B. Nên Văn bản số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B là quyết định hành chính bị kiện.

Xét về nguồn gốc: Phần đất của bà H thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29 (Theo tài liệu 299/TTg thuộc thửa đất 94, tờ bản đồ số 1), bản đồ địa chính Phường H, quận B thuộc ranh đất thu hồi của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên. Đối chiếu bản đồ địa hình chụp năm 1982, điều ảnh năm 1988 thì phần lớn thửa 94 là rạch và rau trên rạch. Đối chiếu Tài liệu 299/TTg trên nền bản đồ địa chính Phường H lập năm 2002 thì phần lớn là rạch.

Căn cứ bản đồ vị trí TL 1/2000 theo tài liệu 299/TTg do Công ty Cổ phần Đo đạc Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đại Việt An lập ngày 05/9/2017 thì phần đất bà H yêu cầu bồi thường thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 29, có diện tích 83,1m² là rạch.

Ngày 15/10/2004 và ngày 10/01/2006 Ủy ban nhân dân quận B tổ chức họp các ban ngành, đoàn thể Phường H và các hộ dân sống lâu năm tại khu vực, các hộ dân đều khẳng định khu vực từ cầu Sài Gòn đến rạch Văn Thánh (trong đó bao gồm thửa số 94) đều là sông rạch, các hộ dân sử dụng trồng rau muống bè.

Theo báo cáo số 765/BC-TTTP-P2 ngày 25/11/2013 của Thanh tra Thành phố về kết quả kiểm tra nguồn gốc pháp lý thửa đất số 94, tờ bản đồ số 01, quận B, việc bồi thường, hỗ trợ về đất và loại đất để tính bồi thường, hỗ trợ đã xác định thửa 94, tờ bản đồ số 01, tài liệu 299/TTg là rạch, là đất công do Nhà nước quản lý. Bà Bùi Thị Thu H mua phần đất này từ bà Lê Thị L bằng giấy tay, bà L đã bị xử phạt vi phạm hành chính vì hành vi san lấp rạch ngày 26/4/2002. Bà H đang sử dụng phần đất thuộc rạch Văn Thánh là đất công do Nhà nước quản lý, bà H không được giao quyền sử dụng đất, không được công nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất của bà H nằm hoàn toàn trên rạch Văn Thánh và Ủy ban nhân dân Phường H, quận B đã quản lý theo chế độ đất rạch, nên việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Văn bản số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 không bồi thường cho bà H đối với phần đất trên là đúng quy định tại Khoản 6 Điều 38, Điều 42, Điều 43 Luật Đất đai năm 2003.

Từ phân tích trên, căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Bùi Thị Thu H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 2407/2017/HC-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân quận B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B có ông Hồ P - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B là người đại diện hợp pháp; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận B là ông Phạm Ngọc Anh H vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người bị kiện và ông Phan Ngọc Anh H.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị Thu H:

Căn cứ giấy mua bán đất có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Đ, ông Đ sang nhượng cho bà Lê Thị L vào ngày 10/10/1991 bằng giấy tay. Bà Lê Thị L bán lại cho bà Bùi Thị Thu H bằng giấy tay vào ngày 15/11/1991.

Đối chiếu bản đồ địa hình chụp năm 1982, điều ảnh năm 1988 thì phần lớn thửa 94 là rạch và rau trên rạch. Đối chiếu Tài liệu 299/TTg trên nền bản đồ địa chính Phường H lập năm 2002 thì phần lớn thửa 94 là rạch.

Phần diện tích đất của bà H yêu cầu được bồi thường do bị thu hồi để thực

hiện dự án đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh tuyến Bến Thành - Suối Tiên tại Phường H, quận B thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29, Phường 22, quận B có diện tích 81,5m².

Căn cứ Bản đồ vị trí TL 1/2000 theo Tài liệu 299/TTg và theo Bản đồ vị trí chấp ranh sử dụng đất lên nền Tài liệu 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ thuộc dự án đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh tuyến Bến Thành - Suối Tiên tại Phường H, quận B do Công ty Cổ phần Đo đạc Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đại Việt An lập ngày 05/9/2017 thì phần đất thuộc thửa số 14 tờ bản đồ số 29, Phường H, quận B có diện tích 83,1m² trước đây thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 1, Phường H, quận B, nằm hoàn toàn trên rạch.

Tham khảo Biên bản xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất tại căn nhà không số, tổ dân phố 63, Phường H, quận B do bà Nhâm Thị Thu H xây dựng trái phép do Phòng Quản lý Đô thị quận B lập ngày 15/10/2003, các hộ dân ở khu vực nêu trên cũng có ý kiến cho biết toàn bộ khu vực này có nguồn gốc là hồ Văn Thánh, trồng rau muống bè.

Đồng thời, tại Biên bản ngày 26/4/2002, Phòng Quản lý Đô thị quận B đã lập Biên bản vi phạm hành chính đối với bà L và một số người khác vì đã có hành vi vi phạm quy định về xây dựng tại hồ thoát nước đô thị thuộc rạch Văn Thánh, cụ thể là hành vi san lấp rạch (đổ cát đất) trên đất rạch Văn Thánh và bà L đã bị Ủy ban nhân dân quận B xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 1373/QĐ-UB ngày 07/5/2002 đối với phần đất thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29. Bà L cũng đã thi hành xong quyết định nêu trên theo Quyết định cưỡng chế số 3728/QĐ-UB ngày 03/9/2002. Bà H mua phần đất này từ bà L, bà H sử dụng phần đất thuộc rạch Văn Thánh, bà H không được không được giao quyền sử dụng đất, không được công nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân quận B cũng cho biết Ủy ban nhân dân Phường H, quận B đã quản lý phần đất này theo chế độ đất rạch.

Như vậy, có căn cứ để xác định phần đất nêu trên nằm hoàn toàn trên rạch Văn Thánh và Ủy ban nhân dân Phường H, quận B đã quản lý phần đất này theo chế độ đất rạch nên việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Văn bản số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 không bồi thường cho bà H đối với phần đất thuộc thửa 14 là đúng quy định tại Khoản 6 Điều 38, Điều 42, Điều 43 Luật Đất đai năm 2003.

Ý kiến của bà S đại diện ủy quyền của bà H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H cho rằng theo Biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất do Ủy ban nhân dân Phường H, quận B lập ngày 20/4/2002 đã xác định phần đất thuộc thửa 14 có diện tích 81,5m² không phải đất rạch và được bà H sử dụng hợp pháp, có có đăng ký kê khai nhà đất năm 1999. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H cho rằng Bản đồ vị trí chấp ranh sử dụng đất nêu trên không có giá trị vì không được ban hành kèm theo Văn bản của cơ quan có thẩm quyền là không có cơ sở để chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà H yêu cầu hủy Văn bản số số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 của Ủy ban nhân dân quận B là có căn cứ.

Đơn khởi kiện của bà H yêu cầu hủy Văn bản số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 của Ủy ban nhân dân quận B cũng như yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân quận B có trách nhiệm lập hồ sơ bồi thường cho bà đối với thửa đất số 14 là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kháng cáo của bà H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, hủy Văn bản số 586/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 của Ủy ban nhân dân quận B, yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B thực hiện thủ tục thu hồi đất, ban hành quyết định bồi thường đối với phần đất bị thu hồi tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29, Phường H, quận B là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 238, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 38, Điều 42, Điều 43 Luật Đất đai năm 2003;

Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của bà Bùi Thị Thu H và giữ nguyên quyết định Bản án số 2407/2017/HC-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân quận B.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thu H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AB/2012/02778 ngày 20/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Bùi Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0003210 ngày 27/10/2017 và Biên lai số AA/2018/0020192 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thị H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Phụng